

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 30-01-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- BN, TỈNH BN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hải Yên và bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Đăng- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- BN, tỉnh BN

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- BN tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- BN, tỉnh BN mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2026 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh NML, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 47, đường QT, phường BG, tỉnh BN. (Có đơn xin vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Chị DTTQ, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 183, đường NQT, phường BG, tỉnh BN. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh NML trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh và chị DTTQ kết hôn ngày 19/12/2007 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thành phố BG, tỉnh BG nay là phường BG, tỉnh BN và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Một thời gian ngắn sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau về mọi việc trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã, xô xát và xúc phạm nhau, có lần nóng giận anh cũng có đánh C Q. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng tình hình của anh chị không thay đổi được. Anh xác định không còn tình cảm với C Q nữa, vợ chồng anh cũng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với C Q để giải phóng cho cả hai bên.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và C Q có 03 con chung là NQA, sinh ngày 15/9/2008; NBN, sinh ngày 16/8/2013 và NGH, sinh ngày 18/01/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh còn C Q đã về nhà mẹ đẻ C Q ở từ năm 2023 đến nay. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cả 03 con chung nhưng do C Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu GH nên anh cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh cũng đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của các cháu, trường hợp các cháu muốn ở với ai anh cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Hiện nay anh đang làm thuê cho cửa hàng kinh doanh buôn bán đồng hồ của anh họ anh, thu nhập bình quân khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh xác định trong thời kỳ hôn nhân, anh và C Q không có tài sản chung gì, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, A L không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn chị DTTQ trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về quá trình chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng chị như A L trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị xác định chủ yếu là do A L không tôn trọng vợ con, thường xuyên quản lý, kiểm soát mọi việc trong cuộc sống sinh hoạt của chị; A L thường xuyên xúc phạm và đánh đập chị nhưng do không muốn làm ảnh hưởng tới các con nên chị đều cố chịu đựng, không trình báo hay yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết; ngoài ra, A L cũng không quan tâm, chăm sóc gì cho các con, phó mặc mọi việc chăm sóc các con cho chị. Chị cũng xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, chị cũng không còn tình cảm với A L, vợ chồng chị cũng đã ly thân khoảng từ đầu năm 2024 đến nay. Nay A L yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và A L có 03 con chung như A L trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu NQA, sinh ngày 15/9/2008; NBN, sinh ngày 16/8/2013 cho A L nuôi dưỡng và giao cháu NGH, sinh ngày 18/01/2015 cho chị nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của các cháu, trường hợp các cháu muốn ở với ai thì chị cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Hiện nay, chị đang kinh doanh thời trang tự do tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và A L có một số tài sản chung nhưng do chị thường xuyên ở nhà làm nội trợ và chăm sóc con cái, mọi việc làm ăn kinh doanh của vợ chồng đều do A L quản lý và thực hiện nên mọi giấy tờ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng đều do A L quản lý, nắm giữ nên chị không thể cung cấp cho Tòa án được và cũng chưa làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh chị nhưng chị cũng không xác định được

vợ chồng chị có bao nhiêu tài sản chung cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về khối tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung NQA trình bày: Cháu là con trai của B L và M Q. Hiện nay, cháu đang học lớp 12A3, Trường Tiểu học-THCS-THPT FPT BG. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu vì cháu vẫn đang ở ổn định cùng với bố và ông bà nội. Không ai xui cháu hay đe dọa, ép buộc cháu phải về ở với bố hay về ở với mẹ.

Con chung NBN trình bày: Cháu là con trai của B L và M Q. Hiện nay, cháu đang ở cùng B L và ông bà nội, cháu đang học lớp 7A2, Trường Tiểu học-THCS-THPT FPT BG. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu vì cháu vẫn đang ở ổn định cùng với bố và ông bà nội. Không ai xui cháu hay đe dọa, ép buộc cháu phải về ở với bố hay về ở với mẹ.

Con chung NGH trình bày: Cháu là con trai của B L và M Q. Hiện nay, cháu đang học lớp 5A1, Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên. Nếu bố mẹ cháu không ở cùng với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu. Không ai xui cháu hay đe dọa, ép buộc cháu phải về ở với bố hay về ở với mẹ cháu.

Tại biên bản làm việc anh PCT trình bày như sau: A T là anh họ của anh NML. Anh đang kinh doanh buôn bán đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình từ khoảng năm 2022 đến nay nhưng đến ngày 08/5/2025 anh mới đăng ký kinh doanh. Từ cuối năm 2023, anh đã thuê mặt bằng và mở cửa hàng (tên cửa hàng: Infinitytimepieces) ở địa chỉ: số 59A PCT, phường CN, thành phố HN để kinh doanh đồng hồ. Quá trình kinh doanh anh có thuê anh NML trông coi và quản lý cửa hàng giúp nhưng không có hợp đồng lao động vì anh chỉ là hộ kinh doanh nhỏ lẻ. Công việc của A L là trông coi, quản lý cửa hàng giúp anh từ việc nhập hàng, bán hàng (bằng mọi hình thức trực tiếp và online), quản lý việc thu chi tiền của cửa hàng đến cuối tháng sẽ thanh toán lại cho anh bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Hàng tháng anh trả lương cho A L khoảng 30.000.000 đồng, chủ yếu là thanh toán bằng tiền mặt. A L không có liên quan gì đến các tài sản của cửa hàng anh, tiền bán hàng trả vào tài khoản của A L cũng là tiền hàng của anh sau đó A L đều đã thanh toán cho anh xong.

Tại biên bản xác minh, ông NVT cung cấp: Ông là bố đẻ của anh NML, là bố chồng của chị DTTQ. A L và C Q kết hôn ngày 19/12/2007 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng A L chung sống cùng gia đình ông. Quá trình chung sống, ông thấy vợ chồng A L có mâu thuẫn và thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì ông không nắm được. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ khoảng đầu năm 2023 C Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không ở cùng gia đình ông nữa. A L và C Q có 03 con chung là NQA, NBN và NGH, hiện nay các cháu đều đang ở với A L và vợ chồng ông, cháu Gia Huy cuối tuần C Q sẽ đón về bên

nhà bố mẹ đẻ C Q. Về công việc và thu nhập cụ thể của A L và C Q ông không nắm được, trường hợp A L được Tòa án giao nuôi con chung thì vợ chồng ông sẽ tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ A L trong việc chăm sóc, dạy dỗ các cháu.

Tại biên bản xác minh ông LQD, tổ trưởng tổ dân phố QT cung cấp: Anh NML và chị DTTQ là vợ chồng, có đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình A L. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng A L như thế nào địa phương không nắm được, chỉ biết từ khoảng đầu năm 2023 đến nay không thấy C Q chung sống cùng với gia đình A L nữa. Việc ly hôn của vợ chồng A L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tòa án đã mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh NML có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn C Q giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- BN phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn tuân thủ chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải).

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho anh NML được ly hôn chị DTTQ; giao con chung NQA, sinh ngày 15/9/2008 và NBN, sinh ngày 16/8/2013 cho A L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung NGH, sinh ngày 18/01/2015 cho C Q trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; A L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: A L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị DTTQ và giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị DTTQ cư trú trên địa bàn phường BG, tỉnh BN nên Tòa án nhân dân khu vực 1- BN thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về mối quan hệ hôn nhân thấy: A L và C Q kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2007 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thành phố BG, tỉnh BG nay là phường BG, tỉnh BN và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định nên đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quá trình chung sống của vợ chồng: A L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau về mọi việc trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã, xô xát và xúc phạm nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng tình hình không thay đổi được, vợ chồng anh chị cũng đã ly thân khoảng từ đầu năm 2023 đến nay. Nay A L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với C Q. C Q cũng xác định thời gian vợ chồng mâu thuẫn và ly thân như A L trình bày là đúng. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa A L và C Q đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: A L và C Q có 03 con chung là NQA, sinh ngày 15/9/2008; NBN, sinh ngày 16/8/2013; NGH, sinh ngày 18/01/2015. Khi ly hôn, A L và C Q đều thống nhất giao con chung NQA, sinh ngày 15/9/2008 và NBN, sinh ngày 16/8/2013 cho A L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung NGH, sinh ngày 18/01/2015 cho C Q trực tiếp nuôi dưỡng và các con chung cũng có nguyện vọng như trên. Để đảm bảo sự chăm sóc trực tiếp của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn, tôn trọng nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự ổn định của con chung nên cần giao con chung NQA và NBN cho A L trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung NGH cho C Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, C Q đã được thông báo về việc có yêu cầu chia tài sản chung thì phải nộp đơn yêu cầu và nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho Tòa án trước ngày mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải C Q vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, C Q mặc dù yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng không xác định được tài sản chung của vợ chồng như thế nào cũng không có đơn yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem

xét yêu cầu của C Q. Trường hợp C Q có yêu cầu chia tài sản chung có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Khi ly hôn, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.6] Về án phí: Anh NML phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

1.1. Về mối quan hệ hôn nhân: Anh NML được ly hôn chị DTTQ.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung NQA, sinh ngày 15/9/2008 và NBN, sinh ngày 16/8/2013 cho anh NML trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung NGH, sinh ngày 18/01/2015 cho chị DTTQ trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

1.3. Về án phí: Anh NML phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 14/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- BN.

2. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- VKSND khu vực 1- BN;
- Phòng THADS khu vực 1- BN;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường BG;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hằng